TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2017/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 11 năm 2017
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thành Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Khương Trung Thành
2. Ông Nguyễn Thiệu Huy

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Công Lợi – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 193/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2017/QĐST - HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị PTAN, sinh năm 1991, có mặt.

Nơi ĐKHKTT: thôn TC, xã XH, huyện N, Vĩnh Phúc

Nơi ở hiện nay: thôn HT, xã H, huyện TD, Vĩnh Phúc

2. *Bị đơn:* Anh NXT, sinh năm 1991, vắng mặt.

Nơi cư trú: thôn TC, xã XH, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 02 tháng 10 năm 2017 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị PTAN trình bày:

Chị và anh NXT kết hôn với nhau ngày 13 tháng 12 năm 2016, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã XH, huyện N. Tổ chức kết hôn xong chị và anh T về chung sống cùng với gia đình anh T tại xã XH. Sau đó vợ chồng thuê nhà và sinh sống với nhau tại thành phố V, cuối tuần hoặc vào các dịp có ngày nghỉ thì về sinh sống cùng gia đình anh T tại xã XH. Quá trình chung sống, vợ chồng ngay từ đầu đã nảy sinh những mâu thuẫn bất hòa, nguyên nhân một phần là do vợ chồng không hiểu nhau, hay cãi vã và bất đồng quan điểm sống, nhưng nguyên nhân chủ yếu do anh T là người thô lỗ và bạo lực, anh T thường xuyên đánh đập chị và làm chị bị tổn thương rất nhiều. Mâu thuẫn vợ chồng luôn luôn căng thẳng, được gia đình hai bên dàn sếp nhiều lần nhưng không được. Tháng 07 năm 2017 anh T đến cổng công ty Giày Da tại phường Đ, thành phố V nơi chị làm việc và hành hung đánh đập chị, do lo sợ nên chị về nhà mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ từ đó đến nay. Anh T là người thô lỗ, cục cằn, bạo lực và là bản chất của anh, anh T đã kết hôn hai lần và những người vợ trước đều không chịu được nên đã ly hôn, do chị không biết nên mới kết hôn với anh T. Chị xác định tình cảm với anh T không còn, chị xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh NXT quá trình giải quyết vụ án luôn vắng mặt, không có mặt để trình bày quan điểm và tham gia hòa giải tại Tòa án. Qua xác minh tại địa phương và gia đình anh T thì hiện nay anh vẫn có mặt tại thôn TC, xã XH. Việc Tòa án giải quyết ly hôn có gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo hòa giải, thông báo giải quyết vụ án…cho anh T, anh T nhận được các loại giấy tờ của Tòa án nhưng không đến và cố tình dấu địa chỉ, mục đích là gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Tòa án nhân dân huyện N đã tống đạt, niêm yết các giấy tờ, văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh T.

Về án phí: Các bên đề nghị giải quyết theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn là chị N đã tuân thủ, đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn là anh T chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị giải quyết cho chị N và anh T được ly hôn; về con chung và các vấn đề về tài sản, công nợ, công sức các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị PTAN và anh NXT là cuộc hôn nhân tiến bộ, hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng kết hôn và đã có thời gian chung sống cùng nhau nhưng không hòa thuận hạnh phúc. Chị N xác định vợ chồng luôn bất hòa mâu thuẫn với nhau, anh T luôn giải quyết mâu thuẫn vợ chồng bằng bạo lực, rất nhiều lần hành hung đánh đập chị, gây rất nhiều tổn thương cho chị.

Qua xác minh tại địa phương xã XH, làm việc với bố đẻ anh T là ông NGXT thì: Vợ chồng anh T và chị N mâu thuẫn với nhau trầm trọng, thường xuyên đánh cãi chửi nhau, hiện nay đã sống ly thân. Ông NGXT còn xác định nguyên nhân vợ chồng đánh cãi chửi nhau là do chị N hỗn láo, có nhiều biểu hiện sống không chuẩn mực.

Xét mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, các bên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, có hành vi bạo lực gia đình, và làm cho cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Cần giải quyết cho chị N được ly hôn với anh T để giải phóng cho các bên đương sự.

2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về phân chia tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị PTAN và anh NXT.

2. Về nuôi con chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

4. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị PTAN phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: 0001409 ngày 02/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- *VKSND huyện N.*
- *THADS huyện N.*
- *UBND xã XH*
- *Các đ- ơng sự*
- *L- u hai bản.*

Đỗ Thành Công